

Số: 299/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 07 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 425/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026. về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
 - + Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; Số CCCD: 054081014688
 - + Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1980; Số CCCD: 048180004930
- Cùng trú tại: Tổ C, phường C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Thu H đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2010 tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng sống với nhau không hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, ông T và bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn của ông T và bà H đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, việc thuận tình ly hôn của ông T và bà H là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Thu H.

[2] *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Thu H cùng xác định có 03 con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày: 04/08/2010; Nguyễn Diệp P, sinh ngày: 18/09/2015 và Nguyễn Diệp P1, sinh ngày: 03/06/2017.

Ly hôn, ông T và bà H thỏa thuận: giao con chung là Nguyễn Văn S và Nguyễn Diệp P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Diệp P1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của ông T và bà H là tự nguyện, phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Thu H xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] *Về lệ phí*: Lệ phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Thu H phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 26/6/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Thu H thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Bà Ngô Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T xác định ông bà có 03 (ba) con chung và thỏa thuận như sau:

Giao con chung Nguyễn Văn S, sinh ngày 04/8/2010, Nguyễn Diệp P, sinh ngày 18/9/2015 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao con chung Nguyễn Diệp P1, sinh ngày 03/6/2017 cho bà Ngô Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Không có ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Thu H xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về lệ phí*: Lệ phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Thu H phải chịu nhưng được trừ vào 300.000đ (*Ba*

trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí HN&GD bà ông T và bà H đã nộp theo biên lai thu số 0006028 ngày 08/06/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- UBND phường Cẩm Lệ;
(GCNKH số 02 ngày 05/01/2010);
- Lưu

THẨM PHÁN

Phạm Minh Thông

